

Bản án số: 87/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/11/2023

V/v “Ly hôn; Tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG - TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thùy Trâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ma Quốc Thề
2. Ông Nguyễn Văn Quang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 207/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/10/2023, giữa các đương sự:

giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn KT, xã VP, huyện S, tỉnh T (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đàm Văn S, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn KT, xã VP, huyện S, tỉnh T (Vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đàm Văn S trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V P vào ngày 10/11/2015. Sau khi cưới vợ chồng anh chị về làm ăn và chung sống tại thôn KT, xã VP, huyện S, tỉnh T. Thời gian đầu

chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2022 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Chị và anh S cũng sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn liên quan đến nhau về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đàm Văn S.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có sinh được 02 con chung là cháu Đàm Ngọc K, sinh ngày .../.../2015 và cháu Đàm Thị T, sinh ngày .../.../2017. Hiện nay các cháu đang ở cùng vợ chồng chị. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu. Chị không có đề nghị gì về cấp dưỡng.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Đàm Văn S đến để giải quyết vụ án nhưng anh S đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn KT, xã VP, huyện S, tỉnh T. Theo lời khai của bà Lý Thị C là mẹ đẻ của anh S thì anh S và chị B tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2015. Sau khi kết hôn anh chị chung sống, làm ăn tại thôn KT, xã VP, huyện S, tỉnh T. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc bình thường. Sau đó đến khoảng năm 2020 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên xảy ra việc cãi chửi, xúc phạm lẫn nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì bà không nắm rõ. Vợ chồng anh S và chị B cũng sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hiện nay, anh S đi làm ăn xa, chỉ ngày lễ, tết mới về qua nhà, thỉnh thoảng có liên lạc về gia đình nhưng bà không nắm rõ địa chỉ mới của anh S nên không cung cấp cho Tòa án được. Gia đình bà có nhận được các văn bản của Tòa và có thông báo cho anh S biết về việc chị B có đơn xin ly hôn và Tòa án đang giải quyết nhưng anh S không về và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh S và chị B có 02 người con chung tên là Đàm Ngọc K, sinh ngày .../.../2015 và cháu Đàm Thị T, sinh ngày .../.../2017. Về tài sản, đất đai, công nợ chung giữa hai anh chị không có gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Hoàng Thị B: Xử cho chị Hoàng Thị B được ly hôn với anh Đàm Văn S.

- Giao cháu Đàm Ngọc K, sinh ngày 21/8/2015 và cháu Đàm Thị T, sinh ngày 04/02/2017 cho chị Hoàng Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục; Anh Đàm Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị B không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về pháp luật tố tụng.*

Chị Hoàng Thị Biên khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Đàm Văn S, đồng thời giao quyền nuôi con khi ly hôn; Anh Đàm Văn S đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn KT, xã VP, huyện S, tỉnh T. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Đàm Văn S có hộ khẩu thường trú tại thôn KT, xã VP, huyện S, tỉnh T. Anh S hiện nay đi làm ăn xa, thi thoảng có về nhà xong lại đi ngay; khi đi anh S không thông báo lại cho địa phương nên địa phương không nắm được địa chỉ làm việc cụ thể của anh S. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh S đã thông báo cho anh S biết nhưng anh S vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc cụ thể, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Đàm Văn S vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Hoàng Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

#### *[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị B và anh Đàm Văn S có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2015 tại UBND xã V, huyện S, tỉnh T nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo lời trình bày của chị B và bà Lý Thị C là mẹ đẻ của anh S thì vợ chồng anh chị B, S sống ly thân từ năm 2022 đến nay không có quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Kết quả xác minh tại địa phương cũng cho thấy anh chị B và anh S ly thân vào năm 2022. HĐXX thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng thực tế đã không tồn tại trong khoảng thời gian hơn 01 năm trở lại đây;

cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị Hoàng Thị B và anh Đàm Văn S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị B là xử cho chị B được ly hôn với anh Đàm Văn S.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị B và anh S có 02 người con chung tên là Đàm Ngọc K, sinh ngày .../.../2015 và cháu Đàm Thị T, sinh ngày .../.../2017. Quá trình giải quyết vụ án, chị B có nguyện vọng muốn được quyền trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả 02 cháu. Xét thấy hiện anh Đàm Văn S không có địa chỉ cư trú rõ ràng nên cần giao cháu Đàm Ngọc K, sinh ngày .../.../2015 và cháu Đàm Thị T, sinh ngày .../.../2017 cho chị Hoàng Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Hoàng Thị B không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị B về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Đàm Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị B được ly hôn với anh Đàm Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Đàm Ngọc K, sinh ngày .../.../2015 và cháu Đàm Thị T, sinh ngày .../.../2017 cho chị Hoàng Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Đàm Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

**3. Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị Hoàng Thị B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002773 ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương.

Anh Đàm Văn S không phải nộp án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị Hoàng Thị B và anh Đàm Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ma Quốc Thế - Nguyễn Văn Quang**

**Phạm Thị Thùy Trâm**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- UBND xã V, huyện S;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thùy Trâm**

